

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/DS-ST
Ngày: 13/9/2024
V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- *Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Võ Đăng Tuấn.

2. Bà Bùi Thị Luyến.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thông Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa:* Ông Đinh Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2024/TLST – DS ngày 22/7/2024; về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn G, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn G, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị B trình bày:

Chị Nguyễn Thị B khởi kiện, yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho chị B số tiền đã vay là 148.600.000 đồng và tiền lãi chậm trả phát sinh theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Bởi vì do chỗ quen biết với nhau khi cùng buôn bán tại chợ xã G, nhiều lần bà H vay tiền của chị B để làm vốn; đến ngày 20/8/2023 chị B và bà H tính toán lại thì tổng số tiền bà H còn thiếu chị B là 148.600.000 đồng, hai bên

thống nhất lập giấy vay tiền nhưng sau đó bà H không trả tiền còn thiếu cho chị B nên chị B mới khởi kiện.

[2]. Theo lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên Tòa, bị đơn - bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H công nhận hiện nay còn thiếu chị Nguyễn Thị B số tiền 148.600.000 đồng, theo như nội dung giấy vay tiền lập ngày 20/8/2023 chị B đã cung cấp cho Tòa án. Số tiền này được bà H vay của chị B làm nhiều lần, đến ngày 20/8/2023 mới lập giấy nợ tổng số tiền 148.600.000 đồng. Bà H đồng ý trả số tiền nợ này cho chị B nhưng không đủ điều kiện để trả một lần nên xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Riêng đối với tiền lãi chậm trả phát sinh từ tháng 8/2023 đến thời điểm xét xử theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị B thì bà Nguyễn Thị H không đồng ý tính lãi; bởi vì thực chất tổng số tiền 148.600.000 đồng chốt nợ ngày 20/8/2023 là đã có cả tiền lãi cộng dồn vào đó. Mặt khác, hoàn cảnh gia đình bà H hiện nay đang gặp khó khăn, một mình bà H phải nuôi 03 người cháu nhỏ nên bà H xin chị B không tính lãi nữa.

Số tiền bà Nguyễn Thị H vay của chị Nguyễn Thị B sử dụng vào mục đích làm vốn buôn bán hàng ăn tại chợ, phục vụ nhu cầu chi tiêu hàng ngày trong gia đình. Chồng bà H đã chết cách đây 20 năm, hiện nay bà H ở một mình nên số tiền còn thiếu chị B là nợ riêng của bà H chứ không liên đới nghĩa vụ ai khác.

[3]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bao gồm: Bản sao có chứng thực thẻ căn cước công dân và giấy vay tiền viết tay.

- Tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp cho Tòa án: Bản sao căn cước công dân và Giấy vay tiền ngày 20/8/2023.

- Chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập: Biên bản ghi lời khai của đương sự.

[4]. Những vấn đề các đương sự thống nhất: Bà Nguyễn Thị H công nhận có vay và đến nay còn thiếu chị Nguyễn Thị B số tiền 148.600.000 đồng.

[5]. Những vấn đề các đương sự không thống nhất: Các bên đương sự không thống nhất được với nhau về nghĩa vụ trả tiền lãi chậm trả phát sinh và phương thức thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

[6]. Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp

cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự về việc giải quyết vụ án. Gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ và các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị B số tiền 148.600.000 đồng và tiền lãi chậm trả phát sinh theo quy định của pháp luật. Buộc bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho chị B tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc và lãi phát sinh từ giao dịch vay tài sản; ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu nào khác. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015; Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Thuận. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu trả tiền nợ gốc:

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên Tòa, các bên đương sự đều công nhận bà Nguyễn Thị H nhiều lần vay tiền của chị Nguyễn Thị B, đến ngày 20/8/2023 hai bên thống nhất xác định lại tổng số tiền bà H đã vay và còn thiếu chị B là 148.600.000 đồng, bà H viết giấy nhận nợ số tiền trên cho chị B. Từ sau khi nhận nợ, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên chị B khởi kiện. Hiện tại bà H cũng đồng ý trả số tiền còn thiếu này

cho chị B nhưng hai bên không thống nhất được với nhau phương thức thanh toán nên sau khi hòa giải không thành, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai. Như vậy, số tiền nợ gốc chị B yêu cầu bà H thanh toán đã được bà H thừa nhận, là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi chậm trả phát sinh:

Tại phiên Tòa, ngoài việc yêu cầu bên bị đơn phải trả tiền gốc đã vay thì chị Nguyễn Thị B còn yêu cầu tính lãi phát sinh trên số tiền vay gốc 148.600.000 đồng, theo mức lãi suất do Bộ luật dân sự năm 2015 quy định; bởi vì từ khi thỏa thuận chốt nợ ngày 20/8/2023 đến nay, bà H chưa trả lãi cho chị B được tháng nào. Trong khi đó, bà H cho rằng khi tính toán tổng số tiền còn thiếu chị B thì trong đó, đã bao gồm tiền lãi chậm trả phát sinh nên bà H xin chị B không tính lãi chậm trả. Tuy nhiên, trong giấy vay tiền lập ngày 20/8/2023 không thể hiện nội dung như bà H trình bày. Tại phiên Tòa, bà H cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh trong tổng số tiền 148.600.000 đồng đã bao gồm tiền lãi chậm trả phát sinh, nên yêu cầu tính lãi của chị B là có căn cứ để chấp nhận.

Hội đồng xét xử nhận thấy căn cứ vào nội dung trình bày của các đương sự tại phiên Tòa và giấy nhận nợ lập ngày 20/8/2023 giữa hai bên do chị B cung cấp, có căn cứ để xác định đây là hợp đồng vay tài sản không có thời hạn, có thỏa thuận lãi suất nhưng không xác định rõ mức lãi và hai bên có tranh chấp về mức lãi suất với nhau. Do đó khi đến hạn mà bên vay không thực hiện trả tiền gốc thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất được quy định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Như vậy yêu cầu tính lãi của chị B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên Tòa, các đương sự đều xác định thời điểm sau cùng chị Nguyễn Thị B thông báo cho bà Nguyễn Thị H trả tiền vay gốc là vào tháng 3/2024. Do đó, thời gian chậm trả để tính lãi được xác định là tháng 6/2024, tức là không quá 03 tháng kể từ thời điểm thông báo theo điểm a, khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tiền lãi được tính cụ thể như sau: $148.600.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} (10\%/năm) = \mathbf{2.468.000 \text{ đồng}}$.

[2.3] Như vậy Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B đối bà Nguyễn Thị H là có căn cứ để chấp nhận. Cần buộc bà H phải có nghĩa vụ trả cho chị B tổng số tiền là **151.068.000 đồng**, trong đó có 148.600.000 đồng tiền nợ gốc và 2.468.000 đồng tiền lãi chậm trả phát sinh là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B được chấp nhận nên cần buộc bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q.

[4] Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị B số tiền 148.600.000 đồng và tiền lãi chậm trả phát sinh theo quy định của pháp luật. Buộc bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho chị B tiền tạm ứng án phí đã nộp. Xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh là có căn cứ và phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

1. Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 203, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
2. Các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
3. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;
4. Điểm a, khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Nguyễn Thị B. Buộc bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị B tổng số tiền là **151.068.000 đồng**, trong đó có 148.600.000 đồng tiền nợ gốc và 2.468.000 đồng tiền lãi chậm trả phát sinh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị H phải nộp 7.553.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho chị Nguyễn Thị B số tiền 4.375.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006092, ngày 22/7/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tánh Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/9/2024).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hạ Hải Hồ